

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HC-ST

Ngày: 28-9-2020

*V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý nhà
nước về đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huy Huân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quyết Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-HC ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai (Yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HC ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị O.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang (Văn bản uỷ quyền ngày 24/8/2020). Có mặt.

- Người bị kiện: UBND huyện B, tỉnh Hà Giang. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Trung H, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T, chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện B (Văn bản uỷ quyền ngày 10/7/2020). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tiến H (Đã chết năm 2007) Người kê thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lý do.

+ Bà Long Thị T. Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thảo N; Anh Nguyễn Tiến K. Cùng HKTT tại: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, vắng mặt. *Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Long Thị T. Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang (Văn bản uỷ quyền ngày 15/7/2020), có mặt.

+ Anh Nguyễn Công H: Tổ 15, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang, vắng mặt. *Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Long Thị T. Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang (Văn bản uỷ quyền ngày 10/7/2020), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị O trình bày: Năm 1979 bà O được bà Nguyễn Thị N (Mẹ đẻ của bà O) chia cho một diện tích đất có chiều rộng 6m bám mặt đường Quốc lộ 2 thuộc tờ bản đồ số 7 mang tên Nguyễn Thị N, trên đất có hai gian nhà gỗ. Năm 1988 bà mua vật liệu về để xây dựng nhà kiên cố và có nhờ ông Nguyễn Tiến H trú cùng thôn giúp đỡ trông nom vật liệu và sau đó giữa bà O và ông H nảy sinh tình cảm, bà và ông H chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi làm nhà xong năm 1991 do chưa trả hết nợ nên bà vào xã T, huyện H làm ăn buôn bán, bà có nhờ ông H trông nom nhà cửa trong thời gian bà vắng nhà. Năm 1993, ông H đã tự ý đi kê khai mảnh đất trên và đăng ký thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) mang tên hộ ông Nguyễn Tiến H mà không được sự cho phép hoặc uỷ quyền của bà O cũng như của bà N (Mẹ bà O). Năm 2007 ông H chết, bà đi làm thủ tục chuyển đổi tên người sử dụng đất nhưng vì năm 1999 ông H còn nợ tiền Thi hành án dân sự huyện B chưa trả, nên thửa đất trên đang bị kê biên. Ngày 23/12/2010 gia đình ông H đã họp thống nhất thửa đất 185 nêu trên được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Tiến H là của bà Nguyễn Thị O không phải của ông H. Đến năm 2019 bà O đã trả số tiền 65.000.000đ cho Thi hành án huyện B trong đó 20 triệu đồng là tiền gốc, còn lại là tiền lãi và được Thi hành án huyện B giải tỏa kê biên thửa đất nêu trên. Sau đó bà tiếp tục nộp hồ sơ đề nghị chuyển tên người sử dụng đất nhưng được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện B trả lời là không đủ thẩm quyền giải quyết vì các thành viên của gia đình ông H gồm bà T (mẹ ông H), chị T (con dâu ông H) và các cháu của ông H (Cháu K, N, H) không đồng ý. Bà yêu cầu hủy GCNQSDĐ số C 858272 ngày 03/12/1993 của UBND huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Tiến H.

Người bị kiện là UBND huyện B, tỉnh Hà Giang trình bày tại văn bản số 3285/UBND-VP ngày 22 tháng 7 năm 2019 với nội dung: Do hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Tiến H từ năm 1993, trong quá trình quản lý, phân chia hồ sơ bị xáo trộn, việc lưu trữ hồ sơ di chuyển nhiều địa điểm và không có kho lưu trữ nên hiện nay bị thất lạc không tìm thấy hồ sơ có liên quan đến vụ án trong kho lưu trữ, do đó UBND huyện B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (viết tắt là QLNVLQ):

- Bà Nguyễn Thị T: Không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến, Tòa án cử ông Nguyễn Tiến H là con trai đang sống cùng nhà bà T để tham gia tố tụng nhưng ông H có đơn từ chối.

- Bà Long Thị T trình bày: Năm 1997 bà về làm con dâu ông Nguyễn Tiến H, bà có nghe bố chồng (ông H) nói lại là ông H có một mảnh đất phía dưới Quốc lộ 2, bán đi để mua đất của bà N (mẹ đẻ của bà O) sau đó chung sống như vợ chồng với bà O. Bà cho rằng thửa đất trên ông Nguyễn Tiến H có mua bán với bà N thì mới làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Tiến H, mối quan hệ giữa ông H và bà O từ bao giờ bà không biết, chỉ nghe nói lại là ông H chung sống với bà O khoảng năm 1981, không có đăng ký kết hôn và không có con chung, khi làm nhà thì ông H và bà O cùng bỏ tiền ra làm nhà. Bà O không có quyền khởi kiện yêu cầu huỷ GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Tiến H vì GCNQSDĐ mang tên ông H là hợp pháp.

- Anh Nguyễn Tiến K trình bày: Anh là con ông Nguyễn Mạnh D (đã chết 2008, ông D là con trai cả của ông Nguyễn Tiến H). Anh không biết mối quan hệ của bà O với ông H, không biết có việc mua bán đất đai hay không. Anh cho rằng thửa đất đang có tranh chấp được mang tên ông nội của anh là ông Nguyễn Tiến H là hợp pháp và không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc yêu cầu huỷ GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Tiến H.

- Chị Nguyễn Thảo N, anh Nguyễn Công H không có mặt theo triệu tập của Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến và không cung cấp được tài liệu chứng cứ có liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần. Ngoài ra chị N, anh K, anh H có một “Đơn xin thừa kế đất” viết chung ngày 14 tháng 5 năm 2020 với nội dung đề nghị Tòa án giải quyết để cho chị N, anh K, anh H được hưởng quyền thừa kế đất.

Ngày 21/7/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang uỷ thác cho Tòa án nhân dân huyện B xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất đang có tranh chấp mà bà O đang thực tế sử dụng. Kết quả: Diện tích đất đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số C 858272 ngày 03/12/1993 mang tên hộ ông Nguyễn Tiến H tại thửa số 185, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang có diện tích là 370m². Diện tích đo đạc thực tế là 538.9m², như vậy diện tích thực tế bà O đang sử dụng lớn hơn diện tích được cấp trong GCNQSDĐ là 168,9m².

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại nhưng không

đôi thoại được do vắng mặt người bị kiện và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có QLNVLQ. Ngày 21/8/2020 Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đôi thoại (lần thứ hai), tại phiên họp này những người có QLNVLQ vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành công khai chứng cứ giữa người khởi kiện và người bị kiện, không tiến hành đôi thoại được do vắng những người có QLNVLQ. Qua phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, HTND, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 858272 do UBND huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Tiến H ngày 03/12/1993. Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O được chấp nhận nên bà O không phải chịu án phí sơ thẩm, UBND huyện B chịu 300.000 án phí sơ thẩm và trả lại cho bà O số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đ mà bà O đã nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu huỷ GCNQSDĐ số C 858272 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 03/12/1993 cho hộ ông Nguyễn Tiến H là quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về pháp luật áp dụng: Thời điểm cấp GCNQSDĐ là ngày 03/12/1993, thời điểm khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là tháng 5/2019 nên pháp luật áp dụng là Luật đất đai năm 1993, Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng, Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng đối với người có QLNVLQ: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã xác định bà Nguyễn Thị T, chị Long Thị T, chị Nguyễn Thảo N, anh Nguyễn Công H, anh Nguyễn Tiến K là người có QLNVLQ. Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Tiến H (đã chết) là người có QLNVLQ, bà

Nguyễn Thị T, chị Long Thị T, chị Nguyễn Thảo N, anh Nguyễn Công H, anh Nguyễn Tiến K là những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông H nên là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có QLNVLQ.

[4] Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện của UBND huyện B đã có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt bà Nguyễn Thị T lần thứ hai không có lý do; Vắng mặt chị Nguyễn Thảo N, anh Nguyễn Tiến K, anh Nguyễn Công H đã có văn bản ủy quyền cho chị Long Thị T có mặt, căn cứ vào Điều 157 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 10/01/2019 bà O nhận được quyết định về việc giải toả kê biên tài sản là GCNQSDĐ của hộ ông Nguyễn Tiến H, ngày 26/02/2019 bà O đi làm thủ tục sang tên nhưng ông Nguyễn Mạnh H (em trai ông H), bà Long Thị T (con dâu ông H) và anh Nguyễn Tiến K (cháu nội ông H) không đồng ý. Ngày 08/5/2019 bà Nguyễn Thị O khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang yêu cầu hủy GCNQSDĐ số C 858272 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 03/12/1993 cho hộ ông Nguyễn Tiến H là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[6] Về hình thức ban hành: GCNQSDĐ số C 858272 cấp ngày 03/12/1993 cho hộ ông Nguyễn Tiến H đúng mẫu do Nhà nước quy định.

[7] Về thẩm quyền: Thửa đất số 185, thuộc tờ bản đồ số 7 diện tích 370m² là đất ở nông thôn nên UBND huyện B cấp GCNQSDĐ là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 24, Điều 36 của Luật đất đai năm 1993.

[8] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 29/9/1992 ông Nguyễn Tiến H có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 185, thuộc tờ bản đồ số 7 diện tích 370m². Ngày 03/12/1993, UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số C858272 cho hộ ông Nguyễn Tiến H. Do hồ sơ cấp GCNQSDĐ không còn nên không thể xác định trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định là đúng hay sai .

[9] Về căn cứ ban hành quyết định: Xét hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Tiến H không còn nên không có căn cứ xác định có việc chuyển nhượng, tặng cho... quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị N là chủ sử dụng đất với hộ ông Nguyễn Tiến H hay không.

[10] Về nguồn gốc thửa đất số 185, thuộc tờ bản đồ số 7 diện tích 370m², địa chỉ tại thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang trước khi được cấp GCNQSDĐ số C 858272 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 03/12/1993 cho hộ ông Nguyễn Tiến H là đất của bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ của bà O), được thể hiện tại Sổ thuế nông nghiệp gia đình hộ bà Nguyễn Thị N của UBND xã T ngày 01/6/1990 (BL 13-17); Biên bản họp gia đình (BL21-23); Biên bản thống nhất thừa kế quyền sử dụng đất (BL 24-25); Quá trình sử dụng không tranh chấp với ai, diện tích đo thực tế là 538.9m².

[11] Ngoài ra, còn được chứng minh bởi ông Nguyễn Tiến H em trai của ông H (BL50); ông Nguyễn Tiến H là em trai ông H (BL51); ông Nguyễn Văn D là nguyên Chủ tịch xã T (BL54-55); ông Trần Văn H là nguyên phó thôn V (BL56-57); ông Nguyễn Minh T là nguyên Bí thư Đảng ủy xã T (BL58-59); ông Nguyễn Văn C (BL60-61), ông Nguyễn Thành A (BL62-63), ông Đào Minh T (BL64-65) là những người sống lâu năm tại địa phương.

[12] Như vậy, không có đủ căn cứ chứng minh hộ ông Nguyễn Tiến H là chủ sử dụng đất hợp pháp có nguồn gốc sử dụng ổn định không có tranh chấp theo Điều 2, Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Điều 4 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng. Do đó, việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Tiến H là chưa đúng đối tượng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà O nên bà O khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số C 858272 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 03/12/1993 cho hộ ông Nguyễn Tiến H là có căn cứ chấp nhận.

[13] Đối với đề nghị của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Long Thị T, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Tiến K, anh Nguyễn Công H khi cho rằng diện tích đất đang tranh chấp nêu trên nguồn gốc là của ông Nguyễn Tiến H (là bố chồng và ông nội) mua của bà N từ trước, việc ông H đứng tên trên GCNQSDĐ là hợp pháp và đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà O về việc hủy GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Tiến H. Tuy nhiên, bà T, chị N, anh K, anh H không cung cấp được chứng cứ, tài liệu để chứng minh cho nội dung trình bày là có căn cứ.

[14] Đối với “Đơn xin thừa kế đất” viết chung với nội dung đề nghị Tòa án giải quyết để cho chị N, anh K, anh H được hưởng quyền thừa kế đất. HĐXX xét thấy, đơn đề nghị giải quyết của các đương sự không phải là quan hệ pháp luật do Luật tố tụng hành chính điều chỉnh là xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện nên HĐXX không xem xét.

[15] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[16] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O được chấp nhận nên UBND huyện B phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do bà O đã nộp 3.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên buộc UBND huyện B phải trả cho bà O số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[17] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà O được chấp nhận, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 5 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà

Nguyễn Thị O không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; người bị kiện là UBND huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[18] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 348; Điều 358; Điều 359 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 2, Điều 36 Luật đất đai năm 1993; Điều 4 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 5 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O, tuyên hủy GCNQSDD số C 858272 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 03/12/1993 cho hộ ông Nguyễn Tiến H.

Về chi phí tố tụng: Buộc UBND huyện B phải trả cho bà Nguyễn Thị O số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị O không phải chịu án phí sơ thẩm, trả lại cho bà O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BB/2018/0000019 ngày 17/5/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; UBND huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Bà O;
- Người có QLNVLQ;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- UBND huyện B;
- UBND tỉnh Hà Giang;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Huy Huân